

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DSPT
Ngày 25 tháng 02 năm 2020
*“V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Lê Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Phương Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2019/TLPT-DS ngày 26/12/2019 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1952 (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1965 (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1952 (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1969 (có mặt);

Đều trú tại: Thôn PK, xã LH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Bá L.

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2019 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Ông là chú ruột của ông Nguyễn Bá L, bố đẻ ông L là anh trai ông. Gia đình ông có thửa đất số 182, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.200m² tại thôn PK, xã LH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, phía Nam giáp với ao nhà ông Nguyễn Bá L. Tháng 8/2014, gia đình ông có xây bờ tường rào giáp với ao nhà ông L dài khoảng hơn 23m. Trước khi gia đình xây tường, phần giáp móng tường đã có 01 cái ao nhỏ, rộng khoảng 3m, dài khoảng 20m. Tường rào gia đình ông xây đào móng sâu khoảng 60cm, khoảng cách tới taluy là 60cm, từ taluy thoải ra phía ao rộng khoảng 01m, dài 20m. Diện tích đất ao này trước kia là đất của công, vào những năm 1985- 1986 ông Nguyễn Bá L tự khai thác đất làm gạch, nên đã hình thành một cái ao nhỏ. Khi ông L khai thác đất làm gạch, không dám đào sát ranh giới với đất nhà ông, còn để chừa lại khoảng 1m, trong quá trình ao có nước nên phá đất, lở D quá cả ranh giới đất của gia đình ông khoảng 60cm, dài hơn 23m, hàng cây xoan ông trồng từ những năm 1976 quá trình đất lở đã chập ra nửa gốc xoan. Khi ông đào móng tường, ông L ép ông lấy giữa gốc xoan làm tim ranh giới, ông không đồng ý nên ông L đã có những lời lẽ xúc phạm ông, ông không muốn làm sự việc phức tạp hơn nên ông đã chấp nhận xây tường rào lui vào đất nhà ông khoảng 60cm dài hơn 23m. Khi đào móng ông đã yêu cầu thợ đào sâu khoảng 60cm từ mặt đất xuống để xây tường.

Đến tháng 11/2016, ông L đã thuê máy mức nạo vét lòng ao, đào sâu xuống thấp hơn móng tường rào của gia đình ông khoảng 70cm. Khi máy mức đào xong còn phần taluy thoải xuống, nhưng ông L tiếp tục đào thẳng đứng giáp móng tường rào của gia đình ông, chỉ còn cách tường rào khoảng 15cm. Sau đó, ông L xây bờ bao của ao ở 2 phía là phía Nam giáp đường dân sinh và phía Đông giáp với nhà anh chị Minh Hằng (phía Tây giáp đường dân sinh ông đã kê trước khi ông xây tường) để tránh sạt lở, nhưng phần phía Bắc giáp tường rào của gia đình ông thì ông L không xây.

Quá trình ông L đào ao thả cá từ tháng 11/2016 đến tháng 3/2019, móng tường rào của gia đình ông mỗi năm lại lở một ít suốt chiều dài 20m, đến ngày 29/3/2019, đoạn giữa móng tường rào của gia đình ông đã đổ xuống ao dài khoảng 5m, sau đó lại tiếp tục đổ, đến nay đổ dài hơn 17m. Trong quá trình giải quyết vụ án ông yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại giá trị cả bức tường. Nay tại phiên tòa ông đề nghị ông Nguyễn Bá L phải bồi thường thiệt hại đối với số tường rào đã bị đổ do ông L đào ao gây ra, số tiền bồi thường là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), đối với đoạn tường rào chưa bị đổ ông không yêu cầu.

Bị đơn ông Nguyễn Bá L trình bày:

Ông không có mối quan hệ gì với ông Nguyễn Thanh D. Ông có một cái ao giáp với thửa đất của gia đình ông D. Nguồn gốc ao là do từ xa xưa ông cha ông đã đào, đáy ao thoải thoải do quá trình sử dụng lâu, bùn đất đã san lấp, phần đáy sâu nhất khoảng 1m-1,5m. Khoảng năm 2013-2014, gia đình ông D có xây tường rào bao loan để ngăn cách đất của gia đình ông D với ao của ông (ông D đã xây hết đất của gia đình ông D tiếp giáp với bờ ao của ông), đoạn tường của gia đình ông D xây dài khoảng 17-18m, ông D có xây phần móng tường sâu khoảng 70cm và phần tường từ trên mặt đất lên cao khoảng 1,5m, bức tường

cách ao là một bờ đất rộng khoảng 50cm và dài dọc tường. Quá trình ông D xây bờ rào hai bên không xảy ra tranh chấp gì.

Đến tháng 8/2016, ông có tiến hành nạo vét bùn để xây bờ tường giáp phía đường dân sinh, tránh sạt lở, ông không nạo vét hay động chạm gì đến phần giáp bờ tường của gia đình ông D, nên hình dạng đáy ao của gia đình ông bây giờ vẫn thoải thoải và đáy ao của gia đình ông bây giờ sâu khoảng 2m. Quá trình gia đình ông nạo vét ao, gia đình ông D không ai có ý kiến gì. Đến ngày 08/3/2017, ông D có đơn gửi ra thôn và tiến hành hòa giải tại thôn giữa ông D và ông, thời điểm đó bờ tường của gia đình ông D chưa đổ, thôn đã tiến hành hòa giải nhưng ông D không có mặt nên không hòa giải được. Khoảng tháng 4, tháng 5/2017, ông D tiếp tục làm đơn gửi đến UBND xã LH, UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được. Hiện nay, do mưa gió, bão nhiều và bức tường của gia đình ông D xây dựng chưa tới đáy ao nên đã bị sập, đổ một phần dài khoảng hơn 10m. Nay ông xác định ao nhà ông không phải là nguyên nhân gây nên việc sập bờ rào của gia đình ông D mà do ông D xây móng tường không đến đáy ao nên ông D đề nghị ông bồi thường thiệt hại, ông không nhất trí. Hiện diện tích đất ao của ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ph là vợ của ông Nguyễn Thanh D, bà Ph đã ủy quyền cho ông D, những quan điểm, ý kiến của ông D cũng là ý kiến của bà.

Bà Nguyễn Thị Kim D là vợ ông Nguyễn Bá L, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện việc không chấp hành pháp L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LT đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ L tố tụng dân sự; Điều 174; Điều 177; Điều 584, Điều 585; Điều 586 và Điều 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ L dân sự năm 2015; Điều 26 L thi hành án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D về việc yêu cầu ông Nguyễn Bá L phải bồi thường thiệt hại.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim D phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Ph đoạn tường bị đổ dài 17,3m với số tiền: 11.752.000đ (Mười một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng) và trả lại ông D số tiền chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là: 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền vợ chồng ông L, bà D phải thanh toán cho vợ chồng ông D bà Ph số tiền: 12.952.000đ (Mười hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông D về việc yêu cầu ông L bồi thường đoạn tường chưa đổ dài 6,5m.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 11 năm 2019, ông Nguyễn Bá L kháng cáo toàn bộ nội D bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không buộc ông phải thanh toán số tiền 12.952.000đ cho ông D và không đồng ý việc Tòa án xác định cái ao là của ông và bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc tuân theo pháp L ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp L, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần nhận định, quyết định của bản án sơ thẩm về việc ông D không yêu cầu bồi thường 6,5m tường rào, chứ không phải là rút một phần yêu cầu để đình chỉ phần yêu cầu này và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Nguyễn Bá L trong hạn L định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội D: Xét nội D kháng cáo của ông Nguyễn Bá L và trên cơ sở các tài liệu trong hồ sơ nhận thấy: Năm 2014, gia đình ông Nguyễn Thanh D xây tường rào bao loan ngăn cách giữa đất của gia đình ông và diện tích đất ao của gia đình ông Nguyễn Bá L. Khi xây dựng ông D đào móng, kê móng sâu khoảng 01m, bằng với đáy ao của ông L, ông D xây bằng gạch đỏ rộng 20cm, còn phía trên ông xây gạch xi. Phía tường tiếp giáp với ao của ông L cách tường rào khoảng 60cm. Khi ông D xây tường rào giữa ông và ông L đã xảy ra mâu thuẫn, ông D đã xây lùi tường lại nên hai bên không có ý kiến gì. Đến năm 2016, ông L thuê máy mức nạo vét ao sâu hơn so với chân móng tường của gia đình ông khoảng 70cm và chỉ cách móng tường 15cm, đến tháng 3 năm 2019 bức tường rào của gia đình ông D bị đổ.

Ông Nguyễn Bá L cho rằng tường rào của gia đình ông D bị đổ là do mưa gió, bão nhiều và bức tường của gia đình ông D xây dựng chưa đến đáy ao nên đã bị sập đổ nên ông không nhất trí bồi thường. Tuy nhiên ông D xây dựng tường rào năm 2014, bức tường xây này cả hai bên xác định còn có 01 bờ đất rộng khoảng 50cm mới tới ao, bức tường xây sử dụng ổn định và không xảy ra việc đổ, hoặc hư hại. Đến năm 2016 ông L mới nạo vét ao, trong biên bản làm việc ngày 17/3/2017 (BL 04) và biên bản xác minh ở UBND xã LH xác định ông L đã nạo vét đáy ao để thả cá “nên đã hờ chân móng bờ rào nhà ông D”.

Ông L nạo vét ao sát với tường rào và thực hiện việc nạo vét ao sâu hơn so với nền của ao tại thời điểm ông D xây tường rào, trong và sau quá trình nạo vét ao ông L đã không chủ động thông báo cho ông D được biết sự việc và nguy cơ sập đổ tường rào do ảnh hưởng của việc nạo vét ao, đồng thời không có biện pháp gì để đảm bảo đối với tường rào của gia đình ông D dẫn đến việc tường rào nhà ông D bị đổ, do đó có căn cứ khẳng định việc nạo vét ao với đổ bức tường là có quan hệ nhân quả với nhau. Ông L xác định việc ông nạo vét ao không liên quan và không có mối quan hệ nhân quả với việc tường rào nhà ông D bị đổ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L không cung cấp được tài liệu, căn cứ gì để chứng minh. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ đảm bảo an toàn đối với công trình xây dựng liền kề theo quy định tại Điều 174 Bộ luật dân sự năm 2015: *“Khi xây dựng công trình, chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản phải tuân theo pháp luật về xây dựng, đảm bảo an toàn, không được xây vượt quá độ cao, khoảng cách mà pháp luật xây dựng quy định và không được xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người có quyền khác đối với tài sản là bất động sản liền kề và xung quanh”* và khoản 2, khoản 3 Điều 177 Bộ L dân sự năm 2015: *“2. Khi đào giếng, đào ao hoặc xây dựng công trình dưới mặt đất, chủ sở hữu công trình phải đào, xây cách mốc giới một khoảng cách do pháp luật về xây dựng quy định... ; 3. Trường hợp gây thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản liền kề và xung quanh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì chủ sở hữu cây cối, công trình phải bồi thường”*.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại do lỗi của ông L, chấp nhận yêu cầu ông L, bà D phải bồi thường thiệt hại cho ông D, bà Ph là có căn cứ.

Tại cấp sơ thẩm, ông D chỉ yêu cầu ông L bồi thường đoạn tường rào đã đổ dài 17,3m và không yêu cầu ông L bồi thường đoạn tường chưa đổ dài 6,5m. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, cấp sơ thẩm nhận định đây là thiệt hại đã khấu hao quá trình sử dụng nên không thể sử dụng giá trị tài sản thiệt hại để xây bức tường mới mà cần buộc ông L phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông D đối với theo giá trị thực tế hiện tại để xây dựng mới bức tường như hình dạng ông D đã xây đối với đoạn tường đã đổ là 11.752.000đ (bao gồm: Móng kê: $1,7127\text{m}^3 \times 1.450.000\text{đ} = 2.483.000\text{đ}$; Kê xây gạch chỉ: $3,806\text{m}^3 \times 1.500.000\text{đ} = 5.709.000\text{đ}$; Tường xây gạch xi: $2,543\text{m}^3 \times 1.400.000\text{đ} = 3.560.000\text{đ}$). Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy đoạn tường của ông D dài khoảng hơn 23m hiện đã bị đổ 17,6m, còn lại 6,5m, việc ông D xây lại đoạn tường bị đổ và giữ nguyên đoạn tường chưa đổ dài 6,5m giáp ao của ông L, trên nền móng cũ hiện không còn nguyên trạng là không đảm bảo tính an toàn của công trình, vì vậy cấp sơ thẩm buộc ông L bồi thường giá trị thực tế hiện tại để ông D xây lại bức tường rào mới là có căn cứ.

Theo nội D các biên bản xác minh ngày 06/8/2019 và ngày 26/9/2019 tại UBND xã LH (BL 25, 56) thể hiện: Nguồn gốc diện tích đất (đất ao của nhà ông L) giáp với phần diện tích gia đình ông D có từ thời ông cha của ông L để lại, quá trình sử dụng ông L lấy đất để làm gạch nên tạo thành cái ao. Diện tích đất ao hiện tại đã được gia đình ông L sử dụng từ lâu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L không đưa ra được căn cứ nào chứng minh bà Nguyễn

Thị Kim D (là vợ ông L) không cùng sử dụng diện tích đất ao, không tham gia và chứng kiến việc ông L thuê máy múc đào ao thời điểm năm 2016; việc đào ao thả cá là để phục vụ cuộc sống chung của vợ chồng và gia đình nên tòa án cấp sơ thẩm buộc cả ông L và bà D cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông D đối với bức tường rào đã đổ là 11.752.000đ là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của ông D được chấp nhận nên buộc ông L, bà D phải thanh toán trả lại ông D chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.200.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Với các nhận định như trên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ, kháng cáo của ông L về việc không chấp nhận việc bồi thường thiệt hại cho ông D, bà Ph số tiền 11.752.000đ và thanh toán cho ông D chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.200.000đ, đồng thời xác định bà D không liên quan là không có cơ sở để chấp nhận, vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên nội dung đình chỉ một phần yêu cầu của ông D về việc yêu cầu ông L bồi thường là không đúng vì đây là việc thay đổi một phần ông D trong tổng thể đã yêu cầu của mình, nếu ông D có yêu cầu sẽ giải quyết sau mới đúng. Đối với việc tuyên trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là không chính xác theo quy định của pháp luật (Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015) cần được điều chỉnh lại cho đúng. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm khắc rút kinh nghiệm đối với sai sót nêu trên.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông D được chấp nhận nên buộc ông L, bà D phải thanh toán cho ông D chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.200.000đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ L tố tụng dân sự năm 2015; Điều 174, Điều 177, Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ L dân sự năm 2015; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D về việc yêu cầu ông Nguyễn Bá L phải bồi thường thiệt hại.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim D phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Ph đoạn tường bị đổ dài 17,3m với số tiền: 11.752.000đ (Mười một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 588.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ tại Biên lai thu số AA.2017/0007505 ngày 11/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT. Ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim D còn phải nộp số tiền là 588.000đ (Năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim D phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh D chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Ph có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, nếu ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim D không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Mạnh

